

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÙ ĐĂNG
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **90/2022/HNGĐ – ST**

Ngày: 29/8/2022

"V/v: Ly hôn"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ ĐĂNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Phương Hạnh

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Điều Khuê;

2/ Bà Lê Thị Thận;

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Quốc Hải – Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước

Trong ngày 29 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 146/2022/TLST - HNGĐ ngày 07 tháng 7 năm 2022, về việc “Không công nhận quan hệ vợ chồng”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 176/2022/QĐST – HNGĐ ngày 18 tháng 8 năm 2022 giữa:

- Nguyên đơn: Anh Phạm Hữu D, sinh năm: 1974

Nơi cư trú: Thôn B, xã Ngh, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước

- Bị đơn: Chị Nguyễn Thị M, sinh năm: 1975

Nơi cư trú: Thôn B, xã Ngh, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước

(Nguyên đơn và bị đơn có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 22 tháng 6 năm 2022 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Phạm Hữu D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Thị M tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1995 nhưng không đăng ký kết hôn tại theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống xảy ra mâu thuẫn đôi bên bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã. Nay vợ chồng tình cảm không còn nên anh làm

đơn yêu cầu Tòa án tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng với chị Nguyễn Thị M.

Về con chung: Anh và chị Nguyễn Thị M có 03 con chung tên là Phạm Thị Khánh L sinh năm 1996, Phạm Thị Trúc Gi sinh năm 1998 và Phạm Thị Mỹ D sinh năm 2001. Ba con đã thành niên nên anh không yêu cầu giải quyết về nuôi dưỡng, cấp dưỡng

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn chị Nguyễn Thị M trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị thống nhất với lời khai của anh Phạm Hữu D về quan hệ hôn nhân. Chị xác định vợ chồng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Nay tình cảm vợ chồng không còn nên chị đồng ý yêu cầu Tòa án tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng với anh Phạm Hữu D.

Về con chung: Chị thống nhất với lời khai của anh Phạm Hữu D về con chung. Chị thừa nhận ba con đã thành niên nên chị không yêu cầu giải quyết về nuôi dưỡng, cấp dưỡng

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời khai của các đương sự và kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Phạm Hữu D và chị Nguyễn Thị M đều khai nhận anh chị tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1995 nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Tại Điều 11 của Luật Hôn nhân và Gia đình quy định: “*Nam, nữ không đăng ký kết hôn mà chung sống với nhau như vợ chồng thì không được pháp luật công nhận là vợ chồng*”. Do đó quan hệ hôn nhân giữa anh Phạm Hữu D và chị Nguyễn Thị M không hợp pháp, không được pháp luật thừa nhận, không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng.

[2] Về yêu cầu giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng của nguyên đơn anh Phạm Hữu D: Theo lời khai của anh Phạm Hữu D và chị Nguyễn Thị M đều thừa nhận quá trình chung sống xảy ra mâu thuẫn và nay

đều nhất trí tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng. Điều 87 của Luật hôn nhân và gia đình quy định: *“Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 11 của Luật này”*. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Phạm Hữu D về quan hệ hôn nhân.

[4] Về con chung: Anh Phạm Hữu D và chị Nguyễn Thị M khai nhận vợ chồng có 03 con chung tên là Phạm Thị Khánh L sinh năm 1996, Phạm Thị Trúc Gi sinh năm 1998 và Phạm Thị Mỹ D sinh năm 2001. Lời khai của anh Phạm Hữu D và chị Nguyễn Thị M phù hợp với giấy khai sinh đã được giao nộp hợp pháp. Anh Phạm Hữu D, chị Nguyễn Thị M và 03 cháu đều xác nhận hiện nay Phạm Thị Khánh L, Phạm Thị Trúc Gi và Phạm Thị Mỹ D đã thành niên, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự nên không ai yêu cầu giải quyết về nuôi dưỡng, cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về chia tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Về án phí: Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự quy định: *“Trong vụ án ly hôn thì nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm, không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn”*. Do đó, nguyên đơn anh Phạm Hữu D phải nộp tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[8] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 87 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;
- Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;
- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH16 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án ngày 30/12/2016.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của anh Phạm Hữu D. Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị M và anh Phạm Hữu D.

2. Về con chung: Anh Phạm Hữu D và chị Nguyễn Thị M có 03 con chung tên là Phạm Thị Khánh L sinh năm 1996, Phạm Thị Trúc Gi sinh năm 1998 và Phạm Thị Mỹ D sinh năm 2001. Ba con đã thành niên có đủ khả năng nhận thức, không ai yêu cầu giải quyết về nuôi dưỡng, cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Nguyên đơn anh Phạm Hữu D phải nộp 300.000đ tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà anh đã nộp trước là 300.000đ theo biên lai thu tiền số 0000536 ký ngày 06 tháng 7 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Bình Phước (đã nộp xong).

6. Quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 29/8/2022).

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Trần Thị Phương Hạnh